TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2024/QĐST-DS	*K, ngày 17 tháng 6 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07/6/2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-DS ngày 03/5/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Lưu Hữu T, sinh năm 1985.

Nơi thường trú: Thôn L, xã L1, huyện Y, tỉnh H.

- ***Bị đơn***: Chị Chu Thị T1, sinh năm 1991.

Nơi thường trú: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh H.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1958; Nơi thường trú: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về công nợ: Tính đến ngày 07/6/2024 (dương lịch), chị T1 và bà N1 còn nợ anh T số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) tiền gốc.

2.2. Phương án trả nợ: Chị T1 và bà N1 có trách nhiệm liên đới trả nợ dần trong thời hạn chậm nhất đến ngày 21/12/2024 (dương lịch) toàn bộ số nợ gốc 180.000.000đ *(Một trăm tám mươi triệu đồng)* cho anh T, riêng tiền lãi từ thời điểm trước đến nay anh T không yêu cầu giải quyết.

Trường hợp chị T1 và bà N1 vi phạm phương án, thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận trên thì anh T có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ tổng số tiền còn nợ lại. Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu chị T1, bà N1 không trả tiền nợ trên thì chị T1, bà N1 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T, chị T1 và bà N1 thống nhất anh T chịu toàn bộ 100% án phí dân sự. Cụ thể như sau:

- Chị T1 và bà N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh T phải chịu toàn bộ 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ với số tiền 4.500.000đ *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0001234, ngày 03/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Tiến Tr